

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Bản án số: 133/2024/HS-ST
Ngày: 17 - 6 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Công

Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 148/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2024/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lâm Tấn T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 01/01/2005 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lâm Tấn L** và bà **Lý Thị Phương N**; Vợ: **Lâm Thúy H**; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 27/5/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Trần Đề xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện T**, tỉnh Sóc Trăng trong một vụ án khác. Vắng mặt.

2. **Trần T1** (tên gọi khác: Không), sinh năm 2001 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú: **Ấp C, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Liễn A**, sinh năm: 1963 và bà **Thạch Thị T2**, sinh năm: 1965. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022 đến nay. Có mặt.

3. **Lý Minh T3** (tên gọi khác: Không), sinh năm 1997 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: **Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng**; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lý X**, sinh năm: 1960 và bà **Trà Thị D**, sinh năm: 1962. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022 đến nay. Có mặt.

Bị hại:

Ông **Đỗ Văn H1**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**.
Vắng mặt.

Bà **Phan Thị Đ**, sinh năm 1986; địa chỉ: **Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận**.
Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông **Thạch D1**, sinh năm 2002; ông **Thạch L1**, sinh năm 1995.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, **Trần T1**, **Lý Minh T3**, **Lâm Tấn T**, **Thạch D1**; **Trương Ít L2** và đối tượng tên **T4** (chưa xác định rõ lai lịch, địa chỉ) cùng ngồi ăn uống tại khu đất Thái Bình, địa chỉ: **Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương**.

Đến khoảng 02 giờ 00 phút ngày 03/8/2022, **T** rủ **T1** và **T3** mang theo dao đe dọa người đi đường để chiếm đoạt tài sản. Lúc này, **T** cầm 01 con dao bằng kim loại, **T1** cầm 01 con dao bằng kim loại, **T3** cầm 01 con dao bằng kim loại đi bộ đến đường mòn khu đất trống, tại địa chỉ: **Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương** cách đó khoảng 30 mét thì nhìn thấy ông **Đỗ Văn H1** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Biển số: 88K3-3936 có gắn rờ moóc tự chế chở bà **Phan Thị Đ** trên đường. Thấy vậy, **T** cầm dao chặn ở phía trước đầu xe mô tô Biển số: 88K3-3936 của ông **H1**, còn **T1** và **T3** cầm dao chặn ở phía sau xe mô tô ông **H1**, **T** cầm con dao chém vào cổ tay phải của ông **H1** gây thương tích chảy da và kè dao vào cổ nói “có bao nhiêu tiền, tài sản lấy hết ra”, **T** móc trong túi quần của ông **H1** lấy 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu xanh 64GB, ốp lưng màu trắng, 01 ví da màu nâu bên trong có số tiền 18.000.000 đồng rồi bỏ vào túi quần mình. Sau đó, **T** tiếp tục lục túi áo của bà **Đ** lấy số tiền 2.324.000 đồng rồi tất cả bỏ chạy thoát. Ông **Đỗ Văn H1** và bà **Phan Thị Đ** đến **Công an phường B** trình báo sự việc trên.

Qua truy xét, **Công an phường B** đã mời **T1**, **T3** về trụ sở **Công an phường B** làm việc. **T1** và **T3** khai nhận hành vi phạm tội của mình, riêng **T** đã bỏ trốn và bị Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện T**, tỉnh Sóc Trăng bắt tạm giam về tội Cố ý gây thương tích.

Tại Biên bản định giá tài sản và kết luận định giá tài sản ngày 21/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự **thành phố T, tỉnh Bình Dương** kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5, dung lượng 64Gb, màu xanh 64GB có trị giá 2.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 48/CT-VKS-TA ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo **Lâm Tấn T**, **Trần T1**, **Lý Minh T3** về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh như cáo trạng đã truy tố, phân tích tính chất, hậu quả hành vi phạm tội của từng bị cáo,

các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lâm Tấn T** mức hình phạt tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Trần T1** mức hình phạt tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; bị cáo **Lý Minh T3** mức hình phạt tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Đối với **Thạch D1, Thạch L1, T4** không bàn bạc cùng với **Lâm Tấn T, Trần T1, Lý Minh T3** để chiếm đoạt tài sản của ông **Đỗ Văn H1**, bà **Phan Thị Đ** và hiện **D1, L1, T4** không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** sẽ tiếp tục điều tra, khi nào rõ sẽ xử lý sau.

Đối với ông **Đỗ Văn H1** bị thương tích nhẹ ở tay và ông **H1** có đơn từ chối giám định thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an thành phố T** không xem xét xử lý.

Về xử lý vật chứng: Đối với 03 (ba) con dao bằng kim loại do **Trần T1, Lý Minh T3, Lâm Tấn T** sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không đề nghị xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông **Đỗ Văn H1** yêu cầu **Lâm Tấn T; T, Lý Minh T3** mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông **Đỗ Văn H1** số tiền 6.733.000 đồng và bà **Phan Thị Đ** yêu cầu bị cáo **Lâm Tấn T; Trần T1, Lý Minh T3** mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà **Phan Thị Đ** số tiền 774.666 đồng và được các bị cáo đồng ý là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị hại.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Trần T1, Lý Minh T3** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị cáo **Lâm Tấn T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14 tháng 6 năm 2024 được Nhà tạm giữ **Công an huyện B**, tỉnh Sóc Trăng xác nhận. Xét, đề nghị xét xử vắng mặt của bị cáo là tự nguyện, không gây trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo theo quy định tại Khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo **Trần T1, Lý Minh T3** và quá trình điều tra bị cáo **Lâm Tấn T** đã khai nhận hành vi cướp tài sản như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 03/8/2022, tại khu đất trống thuộc **Tổ A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Lâm Tấn T, Trần T1, Lý Minh T3** đã có hành vi dùng lời nói đe dọa và dùng hung khí là (dao) bằng kim loại chém trúng tay bị hại **Đỗ Văn H1** để chiếm đoạt tài sản gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 màu xanh 64GB; 01 ốp lưng màu trắng trị giá 2.200.000 đồng; số tiền 18.000.000 đồng của ông **Đỗ Văn H1** và chiếm đoạt số tiền 2.324.000 đồng của bà **Phan Thị Đ**. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 22.524.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp tài sản, quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm nhưng vẫn cố ý dùng lời nói đe dọa và sử dụng hung khí chém trúng tay bị hại để chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tài sản và quyền tự do của bị hại, gây mất trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, do đó cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt phù hợp với hành vi của từng bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án có vai trò đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công cụ thể. Trong vụ án này, **T, T1, T3** là những người trực tiếp thực hiện tội phạm với lỗi cố ý. Tuy nhiên, bị cáo **T** là người nảy sinh ý định, rủ rê bị cáo **T1, T3**, thể hiện vai trò của bị cáo **T** cao hơn nên phải chịu mức án cao hơn.

[6] Khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo **T1, T3** có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo **T** có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 27/5/2024 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trần Đề xử phạt 02 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST. Tuy nhiên, đến nay do Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2024/HS-ST ngày 27/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề chưa có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt đối với bị cáo trong vụ án này.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo **T** có trình độ văn hóa học vấn thấp, bị cáo **T1, T3** không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại Hướng xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Thời điểm bị cáo **T** phạm tội chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Đối với **Thạch D1, Thạch L1, T4** không bàn bạc cùng với **Lâm Tấn T, Trần T1, Lý Minh T3** để chiếm đoạt tài sản của ông **Đỗ Văn H1**, bà **Phan Thị Đ** và hiện **D1,**

L1, T4 không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục điều tra, khi nào rõ sẽ xử lý sau.

[9] Đối với ông Đỗ Văn H1 bị thương tích nhẹ ở tay và ông H1 có đơn từ chối giám định thương tích nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T không xem xét xử lý là phù hợp.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Đỗ Văn H1 yêu cầu Lâm Tấn T; T, Lý Minh T3 mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 6.733.333 đồng; bà Phan Thị Đ yêu cầu bị cáo Lâm Tấn T; Trần T1, Lý Minh T3 mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà số tiền 774.666 đồng và được các bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 (ba) con dao bằng kim loại do Trần T1, Lý Minh T3, Lâm Tấn T sử dụng vào việc phạm tội, Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu hồi được nên không xem xét xử lý.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm d Khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâm Tấn T;

- Điểm d Khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần T1, Lý Minh T3;

- Điều 136; Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 584; Điều 585; Điều 587; Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về hướng dẫn một số quy định của Bộ luật dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lâm Tấn T; T, Lý Minh T3 phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lâm Tấn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

Xử phạt bị cáo Lý Minh T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/8/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lâm Tấn T; Trần T1, Lý Minh T3 mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Đỗ Văn H1 số tiền 6.733.333 đồng.

Buộc bị cáo **Lâm Tấn T**; **Trần T1**, **Lý Minh T3** mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà **Phan Thị Đ** số tiền 774.666 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bị cáo **Lâm Tấn T**; **Trần T1**, **Lý Minh T3**, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 375.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Tuyết

